

Bản án số: 19/2023/HS-ST

Ngày: 24-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Hà Nam.

Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Thụ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Vân;

Bà Trương Thị Hiền;

Ông Đàm Văn Hữu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thiêm, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 122/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đàm Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 25 tháng 7 năm 1989 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 12/12 phổ thông; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đàm Đình B, sinh năm 1952 và bà Tô Thị T1, sinh năm 1953; Vợ: Cà Thị T2, sinh năm 1993 và 01 con; Tiền sự: Không có.

Tiền án: năm 2013 bị Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (ngày 02/11/2022 mới nộp án phí hình sự).

Bị cáo bị bắt từ ngày 01/8/2022 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

2. Họ và tên: Lý Văn T3, tên gọi khác: Không; sinh ngày 15 tháng 7 năm

1981 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm B, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: lớp 09/12 phổ thông; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Triệu C, sinh năm 1959 và bà Nông Thị L, sinh năm 1957; Vợ: Ban Thị T4, sinh năm 1980 (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt từ ngày 01/8/2022 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; Có mặt.

3. Họ và tên: Quan Văn T5, tên gọi khác: Quan Đức T6; sinh ngày 20 tháng 10 năm 1974 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm B, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: lớp 04/12 phổ thông; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quan Sỹ T7 (đã chết) và bà Lãnh Thị T8, sinh năm 1945; Vợ: Triệu Thị D (đã chết) và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Năm 2009, bị Toà án nhân dân huyện Bảo Lạc, Cao Bằng xử phạt 07 năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt từ ngày 01/8/2022 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; Có mặt.

4. Họ và tên: Triệu Tiến Q, tên gọi khác: Không; sinh ngày 27 tháng 3 năm 1988 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 11/12 phổ thông; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Đình P (đã chết) và bà Hứa Thị V, sinh năm 1952; Vợ: Lã Thị T9, sinh năm 1989 và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt từ ngày 27/7/2022 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; Có mặt.

5. Họ và tên: Nông Văn T10, tên gọi khác: Không; sinh ngày 30 tháng 3 năm 1990 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm B, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 07/12 phổ thông; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn V1 (đã chết) và bà Lữ Thị B1, sinh năm 1965; Vợ: Chảo Thị N, sinh năm 1999 và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt từ ngày 01/8/2022 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo** Đàm Văn T: Ông Nông Văn D1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo** Lý Văn T3: Bà Nông Thị Thu T11 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo** Quan Văn T5: Bà Hoàng Thị Diệp H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo** Triệu Tiến Q: Bà Lý Thị N1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo** Nông Văn T10: Bà Hà Thị H1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Đinh Văn N2, sinh năm 1977;

Trú tại: Tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Cà Thị T2, sinh năm 1990;

Trú tại: Thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

+ Chảo Thị N, sinh năm 1999;

Trú tại: Xóm B, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- **Người làm chứng:**

+ Lý Văn Q1, sinh năm 1968;

Trú tại: Xóm C, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

+ Ban Văn H2, sinh năm 1990;

Trú tại: Xóm R, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ 30 phút ngày 27/7/2022, tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh C phối hợp với Công an huyện N thực hiện nhiệm vụ tại khu vực xóm V, xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng phát hiện xe ô tô Toyota Vios màu trắng, biển kiểm soát 11A- 072.63 do Đinh Văn N2 sinh năm 1977; trú tại tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng điều khiển, ngồi hàng ghế sau là Triệu Tiến Q sinh năm 1988; địa chỉ thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng đang di chuyển theo hướng thành phố C vào huyện N có biểu hiện nghi vấn tội phạm về

ma túy. Tiến hành kiểm tra, tổ công tác phát hiện bên trong quần lót Q đang mặc có 01 túi nilon màu đen mở ra có 01 gói nhỏ nilon màu trắng và 01 gói nilon màu xanh đều chứa chất bột màu trắng có khối lượng: 37,3951 gam (ba mươi bảy phẩy ba nghìn chín trăm năm mươi một gam), Q khai nhận là Heroine của Đàm Văn T (sinh năm 1989 là người cùng xóm với Q), trước đó T đưa cho Quan để đem bán cho Quan Văn T5 sinh năm 1974, địa chỉ: xóm B, xã H, huyện B.

Hồi 23 giờ 45 phút ngày 31/7/2022, tại khu vực xóm N, thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng, phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh C phối hợp Công an thị trấn T phát hiện Nông Văn T10 sinh năm 1990, địa chỉ xóm B, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng đang điều khiển xe máy Honda Wave RSX màu đỏ đen, biển kiểm soát 11L1-132.70 di chuyển theo hướng từ thị trấn T đi huyện B có biểu hiện nghi vấn. Kiểm tra người T10, tổ công tác phát hiện tại cạp quần trước bụng đang giắt một bọc vải đã cũ bên trong có 01 túi nilon màu hồng đựng 03 gói nilon bằng băng dính màu đen bên trong đều chứa chất bột màu trắng có khối lượng 109,30 gam (một trăm linh chín phẩy ba mươi gam), T10 khai nhận là Heroine của Đàm Văn T đưa cho T10 để đem bán cho Quan Văn T5 và Lý Văn T3 sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: xóm B, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng; tạm trú tại: xóm L, xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 01/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C khám xét khẩn cấp nơi ở của Nông Văn T10, Đàm Văn T, Lý Văn T3 và Quan Văn T5, phát hiện thu giữ của Lý Văn T3: 01 gói giấy bạc màu vàng bên trong là lớp giấy trắng có chữ viết chứa chất bột màu trắng có khối lượng 0,74gam (không phẩy bảy mươi tư gam), T3 khai nhận là H3 mua với Đàm Văn T để sử dụng và bán lại kiếm lời. Theo các Kết luận giám định số 219/KL-KTHS ngày 05/8/2022; số 241 ngày 16/8/2022/KL-KTHS của phòng K Công an tỉnh C thì: “Các mẫu chất bột màu trắng gửi giám định đều là ma túy, loại H3”.

Quá trình điều tra, xác định được như sau: Đàm Văn T và Lý Văn T3 là thông gia giữa nhà trai và nhà gái với nhau, nên qua những lần đi vào huyện B chơi, T gặp và quen biết Quan Văn T5, Nông Văn T10, còn Triệu Tiến Q là người cùng xóm với T, biết Tư có ma túy bán nên T3 và T5 đã nhiều lần đặt mua ma túy với T về để sử dụng và bán lại cho các con nghiện khác. Từ tháng 4/2022 đến trước ngày bị bắt, T đã bán ma túy cho T3, T5 cùng với sự giúp sức của Q và T10, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 4/2022, T3 gọi điện thoại cho T hỏi mua 01 cây Heroine với số tiền 36.000.000 đồng, T đồng ý và đi xe taxi từ thành phố C vào huyện B, khi gặp T3, T đã bán ma túy cho T3, số Heroine này T3 mua về sử dụng cho bản thân và bán cho một số người nghiện, nhưng T3 không nhớ tên cụ thể là ai.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 6/2022, T3 tiếp tục gọi điện thoại cho T đặt mua 01 cây Heroine với số tiền 36.000.000 đồng, T đồng ý và rủ Triệu Tiến Q đi cùng, hai người đi xe taxi từ thành phố C vào huyện N, dọc đường đi T3 có gọi điện thoại cho T dặn khi nào qua thị trấn T thì gọi cho T3. Nên khi đến điểm hẹn, T giới thiệu Q với T3, sau đó T đưa ma túy cho T3, quá trình Thông và Tư trao đổi thì Q ở ngay bên cạnh và nhìn rõ. Số Heroine này T3 mua về để sử dụng cho bản thân và bán

lại, T3 đã bán cho Ban Văn H2 sinh năm 1990; trú tại xóm R, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng 01 gói với số tiền 3.000.000 đồng; bán cho Nông Văn T10 nhiều lần, mỗi lần từ 100.000 đồng đến 2.000.000 đồng, còn số Heroine Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét nhà T3 là số ma túy còn lại Thông chưa sử dụng và bán hết.

Lần thứ ba: Khoảng đầu tháng 7/2022, T5 gọi điện thoại cho T đặt mua 01 cây Heroine, T đồng ý bán cho T5 với số tiền là 42.000.000 đồng. Sau đó, T cùng Q đi xe máy từ nhà ở ra thành phố C, sau đó mới đi xe taxi vào huyện B để bán ma túy cho T5. Khi đang trên xe taxi, T đưa gói ma túy cho Q cầm, khi đến nơi Quân đưa ma túy cho T5, rồi nhận tiền về đưa lại cho T, Tư trả công cho Q bằng cách đưa cho Quân ma túy để sử dụng 03 lần. Về số Heroine mua được, T5 dùng cho bản thân và bán lại, T5 đã được bán ma túy cho Lý Văn Q1 sinh năm 1968; trú tại C, H, huyện B nhiều lần, nhưng không nhớ cụ thể.

Lần thứ tư: Khoảng giữa tháng 7/2022, T cùng Q tiếp tục cùng đi taxi vào huyện B bán 01 cây Heroine cho T5, về hình thức trao đổi, giá cả đều như những lần trước, nhưng sau khi bán ma túy cho T5 xong, T đếm lại tiền thấy thiếu 5.000.000 đồng, nên đã gọi điện thoại cho T5, sau đó Toàn chuyển khoản qua ngân hàng cho T 4.000.000 đồng, lần này Tư cũng trả công cho Q bằng ma túy để sử dụng.

Lần thứ năm: Chiều ngày 26/7/2022, T5 gọi điện thoại cho T đặt mua 01 cây Heroine với số tiền 42.000.000 đồng, T đồng ý. Khoảng 16 giờ ngày 27/7/2022 T điều khiển xe máy chở Q ra thành phố C đến khu vực km3 S thuộc phường S, thành phố C, khi dừng xe T lấy trong cốp xe máy ra 01 gói nilon màu đen chứa Heroine đưa cho Q nhờ đem gói ma túy vào huyện B bán cho Quan Văn T5 và hứa trả công cho Q 1.000.000 đồng, T đã đưa cho Quân 900.000 đồng và nói là thiếu tiền sẽ trả đủ cho Q sau, Quân nhận gói ma túy cất giấu vào trong quần lót đang mặc chờ T gọi điện thoại cho Đinh Văn N2 đến đón. Khi N2 đến, Tư bảo Nam lái xe đưa Q vào huyện B và trả tiền cước xe cho N2 là 1.800.000 đồng rồi T đi xe máy về nhà, còn Q lên xe đi về hướng huyện B, khi đang di chuyển đi đến đoạn đường thuộc xóm V, xã V thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang.

Lần thứ sáu: Chiều ngày 31/7/2022, T5 gọi điện thoại cho T đặt mua 01 cây H3 giá 42.000.000 đồng, sau đó T gọi điện cho T3 hỏi “hết hàng chưa?”, T3 trả lời “hết rồi”, T nói “em gửi cho anh 02 cây, khi nào bán được có tiền thì trả”. Sau đó, T bảo T3 gửi số điện thoại của T10 cho T. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Tư gọi điện thoại cho T10 nói “mày ra thành phố lấy ba cái này, cho T5 một cái, cho T3 hai cái”, T10 hiểu là ra lấy ma túy, T nói thêm “qua nhà T5 lấy 42.000.000 đồng mang ra đây”. Theo lời của T, T10 qua nhà T5 lấy tiền rồi đi ra thành phố C, trên đường đi T10 có qua nhà bạn gái của T3 tại xóm L, xã V, huyện N gặp Thông, T10 hỏi T3 “T bảo lấy vào cho anh hai cây à?”, T3 nói “ừ” rồi T10 tiếp tục ra thành phố C. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Tư rủ Lương Văn D2 sinh năm 1974, địa chỉ Bản C, xã Q, huyện T cùng ra thành phố C chơi, khi đến khu vực km3 S, phường S cùng D2 vào nhà của Đàm Văn B2 là anh trai T ngồi uống nước chè. Đến khoảng 22 giờ, T10 ra đến nơi, Tư ra đường gặp Thái đưa cho Thái 01 gói nilon đựng H3 và dặn “cầm về cho T5 một cây, cho T3 hai cây”, T10 đưa tiền của Toàn cho T rồi điều khiển xe quay về. Khi Thái đến xóm N, thị trấn T, huyện N thì cũng bị tổ công tác

phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ số ma túy đang giấu trong người.

Ngày 29-11-2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 111/CT-VKSCB-P1 truy tố Đàm Văn T, Lý Văn T3, Quan Văn T5, Triệu Tiến Q, Nông Văn T10 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Kết thúc phân xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đàm Văn T, Lý Văn T3, Quan Văn T5, Triệu Tiến Q, Nông Văn T10 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Đàm Văn T, Lý Văn T3, Quan Văn T5, Triệu Tiến Q, Nông Văn T10 về tội danh, điều luật đã viện dẫn trong quyết định truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đàm Văn T, Lý Văn T3, Quan Văn T5, Triệu Tiến Q, Nông Văn T10 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đàm Văn T, xử phạt bị cáo 20 (hai mươi) năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lý Văn T3, Quan Văn T5, Triệu Tiến Q:

- Xử phạt bị cáo Lý Văn T3 20 (hai mươi) năm tù.
- Xử phạt bị cáo Quan Văn T5 20 (hai mươi) năm tù.
- Xử phạt bị cáo Triệu Tiến Q 20 (hai mươi) năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn T10; xử phạt bị cáo Nông Văn T10 20 (hai mươi) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 04 phong bì đựng ma túy, 01 cân điện tử.

Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước: Điện thoại các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; 1/2 giá trị xe máy honda wave BKS 11B1 – 227.77, 01 xe máy yamaha BKS 20L6 – 6369 của Đàm Văn T. Số tiền 782.000đ.

Truy thu tiền phạm tội mà có 3.000.000đ (Ba triệu đồng) đối với Lý Văn T3 và 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu đồng) đối với Đàm Văn T.

Trả lại căn cước công dân cho Đàm Văn T, Quan Văn T5, Lý Văn T3.

Trả lại ½ giá trị chiếc xe honda BKS 11B1 – 227.77 cho Cà Thị T2.

Trả lại số tiền 1.800.000đ cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đinh Văn N2 vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Ông Nông Văn D1 *bào chữa cho bị cáo* Đàm Văn T: đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã có thái độ hợp tác khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị trả 50% giá trị xe máy yamaha BKS 20L6 – 6369 và 50% giá trị xe máy honda wave BKS 11B1 – 227.77 của Đàm Văn T cho vợ bị cáo vì đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, đề nghị chỉ tịch thu 01 điện thoại di động của bị cáo đã sử dụng vào mục đích phạm tội, số điện thoại còn lại đề nghị trả lại cho bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo có đơn miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bà Nông Thị Thu T11 *bào chữa cho bị cáo* Lý Văn T3: đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã có thái độ hợp tác khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt. Tại phiên tòa bị cáo có đơn miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bà Hoàng Thị Diệp H *bào chữa cho bị cáo* Quan Văn T5: đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã có thái độ hợp tác khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt. Tại phiên tòa bị cáo có đơn miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bà Lý Thị N1 *bào chữa cho bị cáo* Triệu Tiên Q: Nhất trí cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân và vai trò: bị cáo là người không có thu nhập và việc làm ổn định, mục đích đi bán ma túy là được sử dụng ma túy và không được trả tiền công, lần cuối mới nhận tiền công. Bị cáo được T đưa ma túy để đi giao, lần cuối chưa giao được ma túy. Bị cáo tham gia với vai trò giúp sức, bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, từ giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo tích cực hợp tác để khai ra T và bị cáo đã tự khai ra những lần bán ma túy trước đó nên đề nghị xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51;

Điều 58; khoản 1 Điều 54 cho bị cáo được hưởng mức thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị. Về xử lý vật chứng nhất trí với đề xuất của Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số.

Bà Hà Thị H1 *bào chữa cho bị cáo* Nông Văn T10: đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã có thái độ hợp tác khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt. Tại phiên tòa bị cáo có đơn miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Các bị cáo Đàm Văn T, Lý Văn T3, Quan Văn T5, Triệu Tiến Q, Nông Văn T10 không có lời bào chữa bổ sung.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo Đàm Văn T, Lý Văn T3, Quan Văn T5, Triệu Tiến Q, Nông Văn T10 xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phản ánh đúng thực tế hành vi phạm tội và truy tố các bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là đúng người, đúng tội, không oan.

Lời khai của các bị cáo Đàm Văn T, Lý Văn T3, Quan Văn T5, Triệu Tiến Q, Nông Văn T10 hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận:

Từ tháng 04/2022 đến ngày 31/7/2022, Đàm Văn T đã 06 lần bán ma túy cho Quan Văn T5 và Lý Văn T3 với số lượng là 08 cây H3, cụ thể: Bán cho T3 04 cây với số tiền 36.000.000 đồng/cây, bán cho T5 04 cây với số tiền 42.000.000 đồng/cây. Triệu Tiến Q được giúp sức cho Đàm Văn T bán ma túy 04 lần 04 cây H3 và được dùng ma túy không mất tiền; Nông Văn T10 được giúp sức cho Đàm Văn T bán ma túy cho T5 và T3 01 lần 03 cây H3 vào ngày 31/7/2022. Số ma túy đã mua với T, T3 để sử dụng cho bản thân và được bán cho Ban Văn H2 01 gói

với số tiền 3.000.000 đồng, bán cho Nông Văn T10 nhiều lần, mỗi lần từ 100.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Quan Văn T5 sau khi mua được ma túy với T đã sử dụng cho bản thân và bán lại kiếm lời, T5 chỉ nhớ bán nhiều lần cho Lý Văn Q1. Tính trung bình 01 cây H3 có khối lượng là 36,43 gam. Do đó khối lượng Heroine Đàm Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự là 291,44 gam; Bị cáo Quan Văn T5, Lý Văn T3, Triệu Tiên Q mỗi người phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng là 145,72 gam H3. Bị cáo Nông Văn T10 phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng 109,30 gam Heroine.

Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp; mục đích, động cơ phạm tội của bị cáo là kiếm tiền bất hợp pháp và để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi mua bán trái phép 291,44 gam Heroine của bị cáo Đàm Văn T; 145,72 gam Heroine của các bị cáo Quan Văn T5, Lý Văn T3, Triệu Văn Q2 có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp “*Heroine, C1, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng 100 gam trở lên*” được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng lớn, hành vi đó của bị cáo đã đi ngược lại chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cuộc đấu tranh đẩy lùi và bài trừ các tệ nạn ma túy đang ngày càng diễn biến phức tạp, hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo đã góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ma túy ở địa phương.

Xét thấy đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về tội danh, hình phạt, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với các bị cáo và quan điểm xử lý vật chứng là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần được chấp nhận.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ: Cả 05 bị cáo đều được hưởng có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Đàm Văn T, Quan Văn T5, Lý Văn T3, Triệu Tiến Quân phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự phạm tội 02 lần trở lên, riêng Đàm Văn T bị áp dụng thêm điểm h khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự do trước đó bị xét xử chấp hành án xong nhưng chưa được xóa án tích.

Xét đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý nhà nước bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Triệu Tiến Q đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự, xét thấy khi bắt quả tang Q bị cáo có ba bản tự khai không thống nhất với nhau, xác định bị cáo không có ý thức nhất quán ngay từ ban đầu, cơ quan điều tra phải đấu tranh, không có cơ sở để xác định bị cáo tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện tội phạm nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ số Heroin bắt giữ của các bị cáo - là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; 01 cân điện tử màu đen bạc.

Truy thu số tiền Đàm Văn T phạm tội mà có 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng) tiền bán ma túy lần cuối T10 đã mang ra cho T.

Truy thu số tiền Lý Văn T3 phạm tội mà có 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị xe máy BKS 11B1 – 227.77 của Đàm Văn T vì liên quan đến hành vi phạm tội; tịch thu 01 xe máy BKS 20L6 – 6369 của Đàm Văn T là xe của riêng bị cáo có trước thời ký hôn nhân, khi kết hôn T không đưa chiếc xe này vào tài sản chung vợ chồng.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 782.000đ. tịch thu được của Triệu Tiến Q vì liên quan đến thực hiện tội phạm.

T12 lại cho Đình Văn N2 số tiền 1.800.000đ là tiền công xe taxi, do N2 không biết T thuê xe cho Q để đi bán ma túy.

Trả lại cho các bị cáo Đàm Văn T, Quan Văn T5, Lý Văn T3 căn cước công dân do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe máy BKS 11B1 – 227.77 cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cà Thị T2.

Trả lại 01 điện thoại OPPO màu xanh của bị cáo Đàm Văn T vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trả lại 01 điện thoại OPPO màu đỏ của bị cáo Lý Văn T3 vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước tất cả số điện thoại còn lại của các bị cáo vì liên quan đến việc thực hiện tội phạm.

[6] Về án phí: Các bị cáo Đàm Văn T, Lý Văn T3, Quan Văn T5, Triệu Tiến Q, Nông Văn T10 thuộc đối tượng chính sách, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm, nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác:

Về nguồn gốc số ma túy đem bán, T khai nhận là của Vương Văn V2 sinh năm 1990, nhà ở C, xã Đ, huyện T. Tuy nhiên, qua xác minh thì ngày 19/7/2022, V2 đã chết do tai nạn giao thông tại khu vực huyện P, T kháng, nên Cơ quan điều tra không mở rộng vụ án là có căn cứ.

Đối với Đinh Văn N2 là lái xe taxi Vĩnh D3, ngày 27/7/2022 T gọi điện thuê N2 đến đón tại km3 đường S thuộc phường S để đưa bạn của T là Q vào huyện B có việc, T đã trả cước xe cho N2 là 1.800.000 đồng. Khi xe đang di chuyển đến khu vực xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, thì N2 mới biết Q mang theo ma túy trong người, N2 không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Q và T, nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý hình sự N2 là đúng quy định pháp luật.

Đối với Lương Văn D2, ngày 31/7/2022 được đi theo T ra thành phố C và ngồi chơi tại nhà của Đàm Văn B2. Sau đó T đi đâu, làm gì, gặp ai D2 không biết, Duy không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của T và T10, nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự D2 là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đàm Văn T, Lý Văn T3, Quan Văn T5, Triệu Tiến Q, Nông Văn T10 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đàm Văn T 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 01/8/2022.

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự, đối với các bị cáo Lý Văn T3, Quan Văn T5, Triệu Tiến Q, xử phạt:

+ Bị cáo Lý Văn T3 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 01/8/2022 .

+ Bị cáo Quan Văn T5 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 01/8/2022 .

+ Bị cáo Triệu Tiên Q 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 27/7/2022.

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Nông Văn T10 xử phạt:

+ Bị cáo Nông Văn T10 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 01/8/2022.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “*Vật chứng thu giữ được của Triệu Tiên Q, SN: 1988, tại xóm V, xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng*”, ngày 27/7/2022 Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh C.

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “*Vật chứng vụ Nông Văn T10 cùng đồng phạm Mua bán trái phép chất ma túy, xảy ra ngày 31/7/2022, tại xóm N, thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng*”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh C.

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “*24I/GĐ-KTHS. Hoàn Lại mẫu sau giám định vụ: Nông Văn T10 cùng đồng phạm Mua bán trái phép chất ma túy, xảy ra ngày 31/7/2022*”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của phòng K Công an tỉnh C.

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “*219/GĐ-KTHS. H4 lại mẫu sau giám định vụ: Triệu Tiên Quân bắt ngày 27/7/2022*”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của phòng K Công an tỉnh C.

- 01 (một) cân điện tử màu đen bạc.

Truy thu: 42.000.000đ (*bốn mươi hai triệu đồng*) của Đàm Văn T. 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) của Lý Văn T3.

Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại Nokia màu đen, dạng bàn phím. Máy đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại OPPO màu trắng. Máy đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại Nokia màu xanh, dạng bàn phím. Máy đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại Nokia màu trắng, dạng bàn phím. Máy đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại Itel màu đỏ, dạng bàn phím. Máy đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại Masstel màu xanh đen, dạng bàn phím. Máy đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại Vivo màu đen. Máy đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Đàm Văn T: 01 (một) căn cước công dân mang tên Đàm Văn T. - 01 (một) điện thoại OPPO màu xanh. Máy đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Quan Văn T5: 01 (một) căn cước công dân mang tên Quan Văn T5.

Trả lại cho bị cáo Lý Văn T3: 01 (một) căn cước công dân mang tên Lý Văn T3. - 01 (một) điện thoại OPPO màu đỏ. Máy đã qua sử dụng.

Trả lại cho Đinh Văn N2 – sinh năm 1977; trú tại: Tổ A phường S thành phố C số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng).

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 782.000đ (bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng) tiền của Triệu Tiến Q. Số tiền này đã được chuyển vào tài khoản tạm giữ Cục THADS tỉnh C.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 42 ngày 07-12-2022.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công văn số 206/TANDTC-PC ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử.

Các bị cáo Đàm Văn T, Lý Văn T3, Quan Văn T5, Triệu Tiến Q, Nông Văn T10 được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Đàm Văn T, Lý Văn T3, Quan Văn T5, Triệu Tiến Q, Nông Văn T10 có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng PC04; PV06; PC10;
- Trại tạm giam CA tỉnh CB;
- Nhà tạm giữ CA huyện Hòa An;
- Sở Tư pháp Cao Bằng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Người TGTT;
- Lưu HS vụ án; HCTP;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Hà Nam